TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 07/01/2019
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển.

Ông Đặng Văn Hai.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trung Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2018/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2018, "V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-DS ngày 28/11/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 544/2018/QĐST-DS ngày 17/12/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn L - *Sinh năm*: 1958 (có mặt); *Địa chỉ*: 16/5, ấp T Q, xã T P, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: 1/ Lương Văn N - *Sinh năm*: 1971 (vắng mặt);

2/ Nguyễn Thị Mỹ D - *Sinh năm*: 1972 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 70A, ấp T Đ, xã T T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/10/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn L trình bày: Vào ngày 11/9/2016 ông Lương Văn N và vợ là Nguyễn Thị Mỹ D có vay của Nguyễn Văn L số tiền 45.000.000 đồng, có làm giấy biên nhận. Đến ngày 25/01/2017 ông Lương Văn N và vợ là Nguyễn Thị Mỹ D tiếp tục vay của Nguyễn Văn L số tiền 55.000.000 đồng. Khi vay có làm biên nhận, trong biên nhận Lương Văn N và vợ là Nguyễn Thị Mỹ D có ký tên và ghi họ tên; trong biên nhận không ghi lãi suất và thời hạn trả, nhưng có thỏa thuận miệng là vay 03 tháng lãi suất là 1%/tháng. Tổng cộng Lương Văn N và Nguyễn Thị Mỹ D vay của Nguyễn L 100.000.000 đồng, từ khi vay đến nay không đóng lãi suất và cũng không trả được số vốn nào; ông

đến nhà Lương Văn N và Nguyễn Thị Mỹ D đòi tiền nhiều lần mà không trả. Nguyễn Văn yêu cầu Lương Văn N và Nguyễn Thị Mỹ D cùng liên đới trả cho Nguyễn Văn L vốn vay 100.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 25/01/2017 là 9.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 109.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/11/2018 bị đơn Lương Văn N trình bày:

Lương Văn N là chồng của Nguyễn Thị Mỹ D thừa nhận vào ngày 11/9/2016 vợ chồng có vay của Nguyễn Văn L 45.000.000 đồng, đến ngày 25/01/2017 tiếp tục vay của Nguyễn Văn 55.000.000 đồng, số tiền này mục đích vợ chồng ông N vay là để tu bổ làm vườn quýt của gia đình và vợ chồng ông N hiện tại vẫn còn sống chung. Nay Lương Văn N đồng ý theo yêu cầu của Nguyễn Văn L là cùng với vợ Nguyễn Thị Mỹ D trả cho Nguyễn Văn số tiền vốn vay 100.000.000 đồng, tiền lãi là 9.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 109.000.000 đồng.

Nguyễn Thị Mỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyễn Văn yêu cầu Lương Văn N và Nguyễn Thị Mỹ D cùng liên đới trả cho Nguyễn Văn L vốn vay 100.000.000 đồng, tiền lãi là 9.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 109.000.000 đồng, ông Lương Văn N đồng ý trả vốn và lãi là 109.000.000 đồng cho ông ; còn đối với bị đơn Nguyễn Thị Mỹ D kể từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo luật định mà bị đơn Nguyễn Thị Mỹ D vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản ghi ý kiến trình bày hoặc phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn L hoặc yêu cầu phản tố đối trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn L; điều đó thể hiện là bị đơn Nguyễn Thị Mỹ D đã tự từ bỏ quyền phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn hoặc yêu cầu phản tố đối trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của nguyên đơn. Ngược lại kèm theo yêu cầu thì Nguyễn Văn L đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đó là 01 giấy biên nhận ngày 11/9/2016 ông N và bà D có vay của ông 45.000.000 đồng và ngày 25/01/2017 vợ chồng ông N và bà D tiếp tục vay của ông 55.000.000 đồng, do Lương Văn N và Nguyễn Thị Mỹ D là người ký tên và ghi họ tên. Do đó, yêu cầu của Nguyễn Văn L là có căn cứ đúng pháp luật, nên được chấp nhận phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Nguyễn Văn L yêu cầu về phần lãi suất 1%/tháng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Toàn bộ yêu cầu của Nguyễn Văn L được Tòa án chấp nhận, nên Lương Văn N và Nguyễn Thị Mỹ D phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Văn L.

- Buộc Lương Văn N và Nguyễn Thị Mỹ D có nghĩa vụ cùng liên đới trả cho Nguyễn Văn L vốn vay 100.000.000 đồng, tiền lãi là 9.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

- Án phí; tạm ứng án phí:

+ Lương Văn N và Nguyễn Thị Mỹ D cùng liên đới chịu 5.450.000 đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

+ Hoàn trả lại cho Nguyễn Văn L 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002484, ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/01/2019). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Út

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.